|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ**  **VÀ MÔI TRƯ­ỜNG**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: 31/2002/QĐ - BKHCNMT | *Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2002* |

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯ­ỞNG**

**BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TR­ƯỜNG**

**Về việc ban hành "Quy định về đo lường đối với các phép đo**

**trong thương mại bán lẻ"**

­­­­­­­­­­­­­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BỘ TRƯ­ỞNG**

**BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TR­ƯỜNG**

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Điều 18 Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục tr­ưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo l­ường Chất lượng,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về đo lường đối với các phép đo trong thương mại bán lẻ”.

**Điều 2.** Tổng cục trư­ởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lư­ờng Chất l­ượng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo l­ường Chất l­ượng, các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lư­ợng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ t­ướng CP;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,  cơ quan thuộc CP;  - UBND các tỉnh, thành phố  trực thuộc TW;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Công báo;  - L­ưu VT, TĐC. | **KT. BỘ TRƯ­ỞNG**  **BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯ­ỜNG**  **THỨ TR­ƯỞNG**  **(Đã ký)**  ***Bùi Mạnh Hải*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ**  **VÀ MÔI TRƯ­ỜNG**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**QUY ĐỊNH**

**Về đo lường đối với các phép đo trong thương mại bán lẻ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/2002/QĐ-BKHCNMT*

*ngày 17 tháng 5**năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi* *trường)*

**1.****Quy định chung**

1.1 Quy định này quy định yêu cầu đo lường đối với các phép đo khối lượng (cân) và phép đo thể tích (đong) trong thương mại bán lẻ; phương pháp kiểm tra các phép cân, đong này.

1.2 Người bán hàng phải đảm bảo cân, đong đủ lượng hàng hoá đã thoả thuận cho khách hàng và tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể chứng kiến, kiểm tra lượng hàng hoá đó.

1.3 Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện kiểm tra việc cân, đong trong thương mại bán lẻ đảm bảo yêu cầu đo lường theo quy định này.

**2. Yêu cầu về đo lường**

2.1 Khối lượng hàng hoá bán cho khách hàng khi cân không được thiếu quá giới hạn cho phép nêu ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

|  |  |
| --- | --- |
| Lượng hàng hoá  (theo kg) | Giới hạn thiếu cho phép  (theo g) |
| Đến 0,1  Trên 0,1 đến 0,2  Trên 0,2 đến 0,5  Trên 0,5 đến 1  Trên 1 đến 2  Trên 2 đến 5  Trên 5 đến 10  Trên 10 | 5  10  15  20  40  80  150  150 + 10 cho mỗi kg tiếp theo |

2.2 Lượng hàng hoá tính theo thể tích bán cho khách hàng khi đong không được thiếu quá giới hạn cho phép nêu ở Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2

|  |  |
| --- | --- |
| Lượng hàng hoá  (Theo L) | Giới hạn thiếu cho phép  (Theo mL) |
| 0,25  Từ 0,5 đến 5  Trên 5 | 5  10 cho mỗi lít hàng hóa  5 cho mỗi lít hàng hóa |

2.3 Phương tiện đo sử dụng để cân, đong khi bán hàng phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Đã được kiểm định và còn trong thời hạn sử dụng hợp pháp;

b) Cân có độ chính xác cấp 4 trở lên; phương tiện đong có độ chính xác từ 0,5% đến 1% và có phạm vi đo thích hợp với mức cân, đong.

2.4 Người bán hàng phải cân, đong trước khách hàng. Trường hợp hàng hoá đã được cân hoặc đong trước đó (nhưng không phải là hàng đóng gói sẵn), người bán hàng phải ghi rõ lượng hàng hoá đã cân, đong trên bao bì và phải sẵn sàng thực hiện việc cân, đong lại nếu khách hàng yêu cầu.

2.5 Người mua hàng có quyền yêu cầu người bán cân, đong lại hàng hoá tại nơi bán bằng phương tiện đo của người bán hoặc tự kiểm tra tại các điểm cân, đong đối chứng (nếu có) hoặc thông qua phương tiện đo hợp pháp của người khác.

**3**. **Kiểm tra việc cân, đong trong thương mại bán lẻ**

3.1 Việc kiểm tra được tiến hành tại địa điểm mua, bán.

3.2 Cân và phương tiện đong sử dụng để kiểm tra (gọi tắt là phương tiện kiểm tra) phải thoả mãn các yêu cầu sau đây:

a) Đã được kiểm định và còn trong thời hạn sử dụng hợp pháp;

b) Có phạm vi đo thích hợp với mức cân, đong cần kiểm tra;

c) Cân có độ chính xác tương ứng với quy định nêu trong bảng 3 dưới đây:

Bảng 3

|  |  |
| --- | --- |
| Phạm vi cân  (theo kg) | Giá trị độ chia kiểm (e) của cân không lớn hơn (theo g) |
| Đến 0,5  Trên 0,5 đến 5  Trên 5 đến 10  Trên 10 | 1  5  10  20 |

d) Phương tiện đong có độ chính xác từ 0,1% đến 0,5%.

3.3 Trình tự, nội dung kiểm tra:

3.3.1 Kiểm tra phương tiện đo của người bán

a) Kiểm tra về tính hợp pháp của phương tiện đo: dấu, giấy chứng nhận kiểm định, niêm phong, kẹp chì, thời hạn hiệu lực kiểm định...).

b) Kiểm tra hoạt động của phương tiện đo:

Đối với cân: Cân phải được đặt ngay ngắn, các bộ phận hoạt động bình thường, chỉ thị ban đầu phải tại điểm không; sau khi ấn nhẹ lên bàn cân, chỉ thị phải trở về điểm không (thực hiện 3 lần).

Đối với phương tiện đong: Phương tiện đong không bị móp, méo, biến dạng hoặc tồn đọng hàng hoá làm thay đổi dung tích.

3.3.2 Kiểm tra việc cân, đong của người bán

a) Đối với hàng hoá đã được cân, đong trước đó: Lấy không ít hơn 10 gói hàng bất kỳ, tiến hành cân hoặc đong trên phương tiện kiểm tra. Kết quả cân, đong kiểm tra so với lượng hàng đã cân, đong trước đó của người bán không được thiếu quá giới hạn cho phép quy định tại Bảng 1 hoặc Bảng 2 của Quy định này.

Trường hợp có từ ba kết quả trở lên không thoả mãn yêu cầu, thì kết luận phép cân, đong của người bán không đạt yêu cầu quy định. Nếu có một hoặc hai kết quả không thoả mãn yêu cầu thì lấy mẫu lần hai và kiểm tra lại. Nếu ở lần kiểm tra này vẫn còn một kết quả không đạt yêu cầu, thì kết luận chung không đạt yêu cầu.

b) Trường hợp cân, đong bán trực tiếp: Yêu cầu người bán thực hiện cân, đong không ít hơn ba lượng hàng hoá khác nhau; người kiểm tra tiến hành cân, đong lại trên phương tiện kiểm tra. Nếu có một kết quả không đạt yêu cầu, thì thực hiện lại phép kiểm tra. Nếu lần kiểm tra này vẫn có kết quả không đạt yêu cầu, thì kết luận việc cân, đong của người bán không đạt yêu cầu quy định.

**4. Biên bản kiểm tra**

Kết quả kiểm tra được ghi vào Biên bản kiểm tra phép đo theo mẫu quy định tại phụ lục của Quy định này.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

**THỨ TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

***Bùi Mạnh Hải***

**Phụ lục**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ quan kiểm tra** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA PHÉP ĐO**

Thời gian từ ... giờ ngày...tháng...năm... đến... giờ ngày...tháng...năm...

Đoàn kiểm tra phép đo trong thương mại bán lẻ đã tiến hành kiểm tra đối với cơ sở: ...........................................................................................

Địa chỉ:

Đoàn kiểm tra gồm:

1. Trưởng đoàn;

2. Đoàn viên;

3. Đoàn viên.

Tham gia đoàn còn có:



**Nội dung và kết quả kiểm tra:**

**1. Kiểm tra phương tiện đo của người bán hàng:**

***1.1.*** *Tình trạng pháp lý của phương tiện đo:*

***1.2.*** *Hoạt động của phương tiện đo:*

**2. Kiểm tra các phép cân, đong:**

*2.1 Kiểm tra cân, đong trực tiếp*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Cân, đong của người bán (kg,L) | Kết quả kiểm tra (kg, L) | Chênh lệch  (g, mL) | Giới hạn thiếu cho phép (g, mL) | Kết luận |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

*2.2 Kiểm tra hàng hoá đã được cân, đong từ trước*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hàng hoá cân, đong từ trước (kg, L) | Kết quả kiểm tra (kg, L) | Chênh lệch  (g, mL) | Giới hạn thiếu cho phép (g hoặc mL) | Kết luận |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |  |

**3. Kết luận chung**:

**4. Kiến nghị**:

**Cơ sở được kiểm tra Người kiểm tra**